

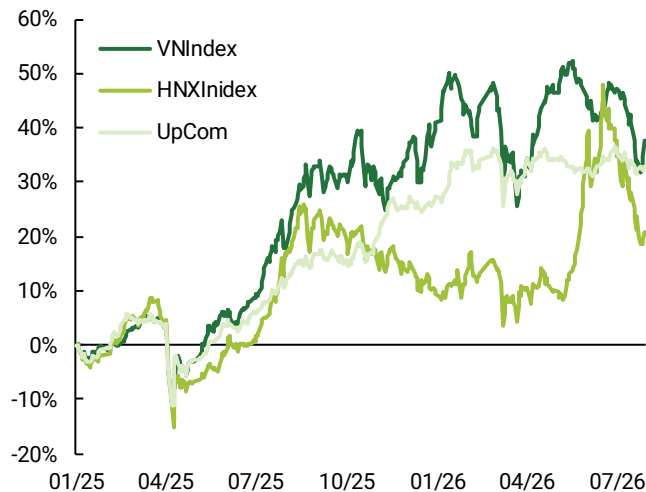
VN-Index **1744.66 (2.35%)**
932 Tr. cổ phiếu 20356.5 Tỷ VND (40.86%)

HNX-Index **275.05 (1.24%)**
61 Tr. cổ phiếu 905.6 Tỷ VND (61.96%)

UPCOM-Index **126.5 (0.28%)**
25 Tr. cổ phiếu 364.0 Tỷ VND (19.47%)

VN30F1M **1884.80 (1.83%)**
233,337 HD OI: 37,997 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2025 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1744.7, tăng +40.0 điểm (+2.35%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Đà tăng cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex
- **Điểm nhấn trong phiên:** Sắc xanh tiếp tục được duy trì. Áp lực bán ròng từ khối ngoại có phần dịu bớt, thay vào đó là động thái mua ròng trở lại ở các mã blue chip, hỗ trợ phần nào cho dòng vốn hiện tại.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: TAL (+4.8%), VHM (+5.6%), VRE (+6.8%) | Ngân hàng: NAB (+3.8%), SHB (+4.9%), BID (+5.1%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VOS (+6.7%), PVT (+6.8%), GEX (+6.8%) Bán lẻ: DGW (+3.3%), MWG (+5.0%), FRT (+7.0%) | Dầu khí: PVD (+2.7%), PLX (+2.7%), BSR (+3.6%). Diễn biến yếu trong phiên: Du lịch và Giải trí: VJC (-1.0%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VHM, VCB, BID, CTG, TCB - Chiều giảm | VJC, MSB, BWE, PNJ, VPD
- Khối ngoại Mua ròng gần 670 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VIC, VNM, MSN, trong khi bán ròng TCB, ACB, NVL.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến tăng Marubozu, củng cố động lực phục hồi sau khi xác nhận vượt ngưỡng 1690 điểm ở phiên trước. Dù vậy, chỉ số đang dần tiếp cận vùng cản mục tiêu 1750-1770 điểm, áp lực chốt lời ngắn hạn nhiều khả năng sẽ gia tăng, khiến diễn biến rung lắc và giằng co có thể trở lại chi phối trong các phiên tới. Đây là vùng kháng cự quan trọng, do đó, phản ứng của dòng tiền tại khu vực này sẽ đóng vai trò quyết định khả năng duy trì quán tính tăng. Trường hợp lực cầu không đủ mạnh để hấp thụ nguồn cung, chỉ số có thể xuất hiện nhịp điều chỉnh hoặc tích lũy thêm trước khi xác lập xu hướng mới tiếp theo.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số quay lại kiểm định khu vực MA100 ngày, điểm tích cực là thanh khoản cải thiện rõ ràng hơn. Nếu lực cầu tiếp tục duy trì, nhịp hồi có thể kỳ vọng hướng tới khu vực 285 - 290 điểm.
- **Chiến lược:** Nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại, đồng thời hạn chế mua đuổi tại các nhịp tăng mạnh khi VN-Index đang tiến sát vùng kháng cự 1750-1770 điểm. Hoạt động giải ngân mới chỉ nên thực hiện với tỷ trọng thăm dò tại các nhịp rung lắc hoặc điều chỉnh kỹ thuật, ưu tiên các cổ phiếu đã xác nhận điểm cân bằng và thu hút dòng tiền trở lại. Việc chờ đợi điểm mua có tỷ lệ rủi ro/lợi nhuận thuận lợi sẽ phù hợp hơn so với gia tăng vị thế ở vùng giá cao.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi VNM (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,744.7 ▲	2.3%	2.7%	-6.2%	20,356.5 ▲	40.9%	1.0%	4.1%	931.9 ▲	50.2%	7.3%	33.0%
HNX-Index	275.1 ▲	1.2%	-2.1%	-12.2%	905.6 ▲	62.0%	-18.0%	28.4%	61.2 ▲	60.4%	-12.1%	46.9%
UPCOM-Index	126.5 ▬	0.3%	0.8%	-2.6%	364.0 ▲	19.5%	-19.8%	-1.5%	25.1 ▲	52.7%	-25.7%	-1.0%
VN30	1,886.3 ▲	2.0%	2.2%	-5.5%	11,203.1 ▲	21.5%	-7.5%	6.7%	352.0 ▲	27.3%	-14.0%	12.7%
VNMID	1,882.6 ▲	2.8%	0.6%	-11.6%	6,901.3 ▲	68.4%	6.3%	-2.9%	401.9 ▲	82.3%	7.7%	35.6%
VNSML	1,239.6 ▲	2.0%	0.9%	-7.7%	1,503.5 ▲	107.6%	75.4%	91.4%	83.1 ▲	57.3%	37.4%	57.6%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	608.5 ▲	2.6%	1.60%	-7.4%	5,848.8 ▲	62.0%	32.7%	9.9%	292.9 ▲	61.3%	32.9%	24.4%
Bất động sản	975.1 ▲	1.8%	4.6%	-2.2%	3,461.9 ▲	1.3%	0.7%	14.5%	119.1 ▲	40.9%	7.4%	20.4%
Dịch vụ tài chính	287.1 ▲	4.2%	0.1%	-8.2%	3,360.6 ▲	127.0%	45.6%	25.5%	187.5 ▲	130.9%	45.3%	37.2%
Công nghiệp	223.0 ▲	4.0%	0.0%	-14.3%	2,014.6 ▲	289.7%	99.6%	114.5%	77.5 ▲	238.8%	80.3%	127.5%
Tài nguyên cơ bản	481.6 ▬	1.0%	4.6%	-6.1%	802.0 ▼	-11.3%	16.0%	22.3%	42.6 ▼	-10.5%	13.5%	20.7%
Xây dựng - Vật Liệu	151.8 ▲	2.9%	0.8%	-11.4%	466.7 ▲	29.3%	-0.7%	-18.8%	29.6 ▲	10.7%	-10.2%	-8.5%
Thực phẩm	492.9 ▲	2.1%	4.0%	2.0%	1,256.1 ▲	21.3%	16.3%	10.9%	27.5 ▲	26.3%	9.2%	10.9%
Bán Lẻ	1,331.7 ▲	4.8%	0.9%	-7.5%	870.1 ▲	23.5%	35.1%	55.0%	14.1 ▲	5.9%	32.2%	64.2%
Công nghệ	364.3 ▲	2.7%	3.1%	-5.2%	720.4 ▲	28.3%	33.9%	14.6%	11.3 ▲	23.8%	3.2%	1.9%
Hóa chất	150.4 ▲	2.7%	2.1%	-12.2%	290.7 ▲	50.8%	20.7%	-0.7%	11.6 ▲	46.2%	21.6%	5.2%
Tiện ích	685.0 ▲	1.1%	1.7%	-7.5%	284.0 ▲	8.9%	2.9%	-21.0%	14.8 ▲	7.4%	-3.6%	-15.5%
Dầu khí	101.7 ▲	3.3%	7.2%	2.0%	272.4 ▼	-57.1%	-25.58%	-47.4%	10.8 ▼	-64.8%	-32.2%	-44.1%
Dược phẩm	388.2 ▲	1.2%	1.3%	-3.1%	30.6 ▲	105.8%	-31.3%	-26.7%	1.1 ▲	87.1%	-44.1%	-35.3%
Bảo hiểm	97.1 ▲	3.3%	6.2%	-4.7%	39.2 ▲	71.8%	85.8%	43.7%	0.9 ▲	64.9%	68.9%	34.7%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,744.7 ▲	2.35%	-2.2%	14.0x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,598 ▼	-1.62%	26.9%	17.1x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,186 ▲	1.56%	-28.5%	14.6x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,694 ▬	0.17%	3.2%	15.7x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,306 ▼	-0.74%	4.2%	9.7x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,805 ▼	-0.62%	-4.1%	19.1x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,859 ▬	0.20%	0.9%	13.5x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	61,867 ▬	0.71%	22.9%	22.3x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,316 ▼	-1.52%	6.9%	26.9x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	51,594 ▼	-2.19%	7.3%	24.8x	6.0x
FTSE 100	Anh	10,921 ▬	0.12%	10.0%	16.1x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,295 ▬	0.74%	8.7%	17.9x	2.5x
DXV		100.6 ▼	-0.76%	2.4%		
USDVND		26,283 ▼	-0.152%	-0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

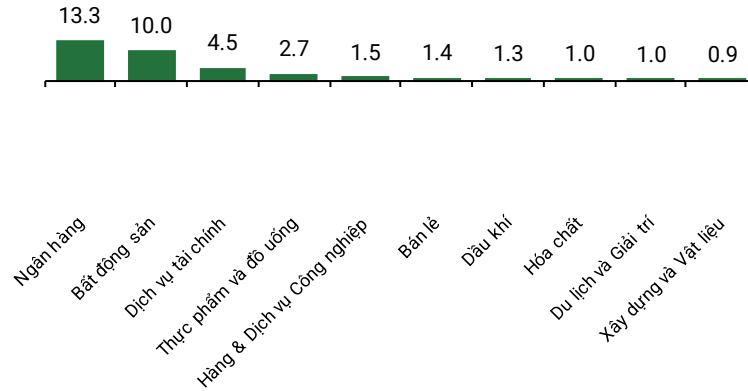
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.7%	23.5%	48.0%	23.0%
Dầu WTI	▼	-1.2%	20.1%	45.4%	19.3%
Khí gas	▼	-0.3%	-17.1%	-26.3%	-10.8%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-2.8%	20.8%	29.9%
Thép HRC (*)	▼	-0.5%	-1.6%	0.0%	-7.4%
PVC (*)	▼	-0.9%	3.7%	-0.6%	-13.7%
Phân Urea (*)	▼	-0.9%	-1.8%	-1.8%	-14.5%
Cao su thiên nhiên	▲	1.3%	0.2%	20.2%	28.1%
Bông Cotton	▬	0.0%	8.0%	21.4%	18.4%
Đường	▬	0.4%	1.5%	-3.0%	-11.5%
World Container Index	▼	-2.7%	2.1%	92.3%	69.0%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.2%	37.6%	97.6%	188.7%
Vàng	▬	0.28%	1.8%	-5.6%	24.5%
Bạc	▬	0.79%	-0.7%	-18.8%	56.7%

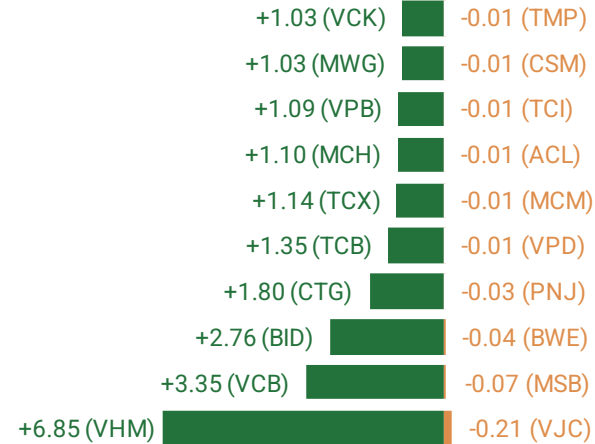
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

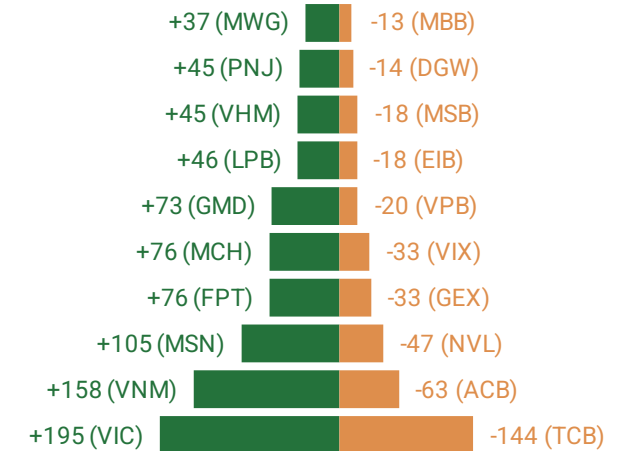


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

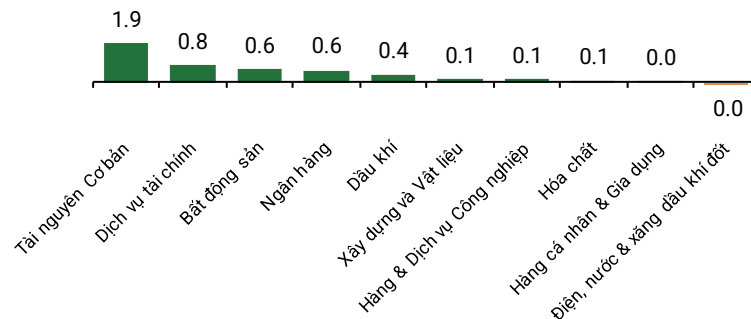


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

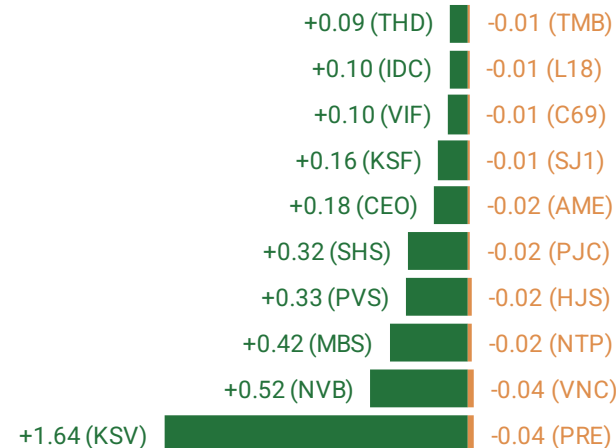
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



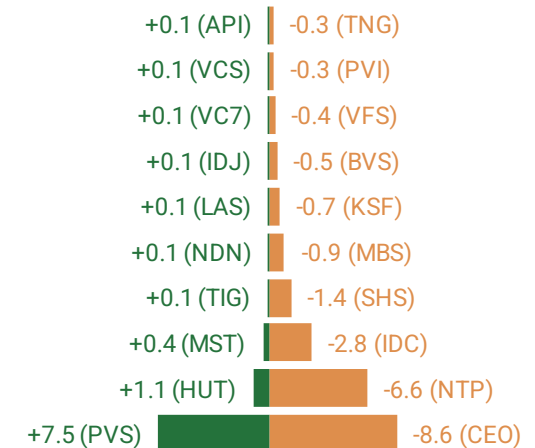
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

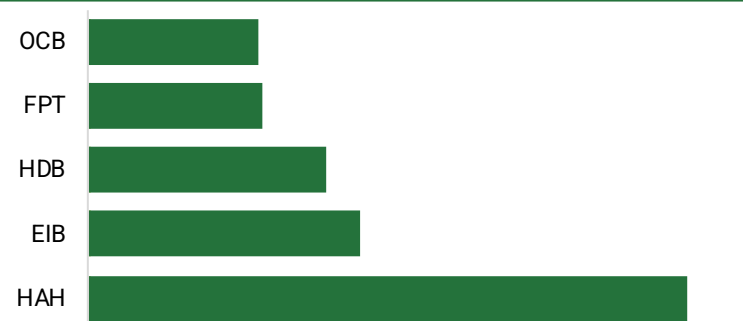


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIC	VIX	VHM	SHB	SSI
%DoD	0.3%	7.0%	5.6%	4.9%	3.2%
Giá trị	1,059	978	861	845	693

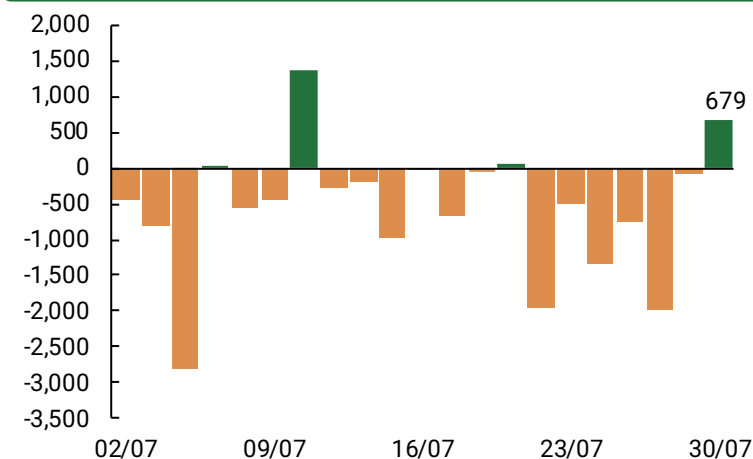
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	HAH	EIB	HDB	FPT	OCB
%DoD	2.8%	2.9%	0.8%	2.9%	3.5%
Giá trị	710	323	283	206	203

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



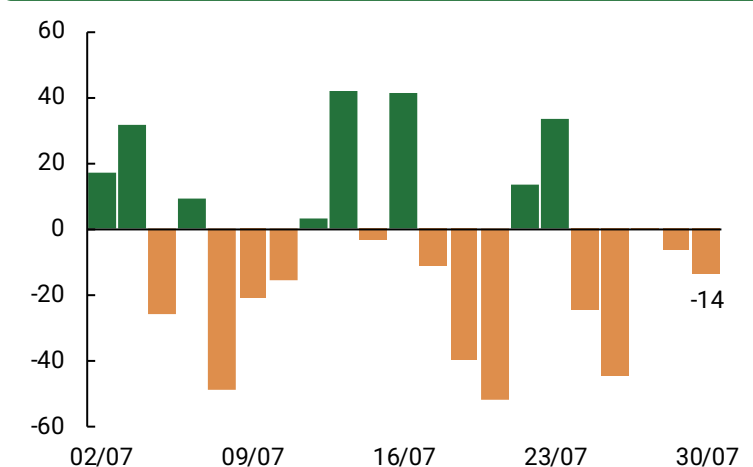
	SHS	MBS	CEO	PVS	MST
%DoD	4.0%	4.0%	4.5%	3.3%	9.5%
Giá trị	192	139	97	68	58

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	SHS	TIG	CAR	MCO
%DoD	0.0%	4.0%	0.0%	0.0%	4.1%
Giá trị	18	8	2	1	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1600 | 1660.
- ✓ Kháng cự: 1760 | 1800.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

Kịch bản: VN-Index vượt trên ngưỡng 1690 điểm đã xác nhận cho động lực phục hồi theo kịch bản trước đó. Mục tiêu hướng tới khu vực 1750 – 1770 điểm. Hiện trạng thái đã gần tiếp cận vùng kháng cự này, do đó, phản ứng giằng co kiểm định cung cầu khả năng sẽ chi phối diễn biến các phiên tới. Lực cầu cần tiếp tục được duy trì, nếu xuất hiện sự suy yếu tại cản, áp lực điều chỉnh hoàn toàn có thể trở lại chi phối.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1910 | 1960.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

Kịch bản: Việc VN30 vượt trên ngưỡng 1845 đã xác nhận cho nhịp hồi phục, với mục tiêu hướng đến kiểm định vùng cản 1900 - 1920. Thanh khoản cải thiện trở lại góp phần củng cố cho đà đi lên. Tuy nhiên, cần chú ý phản ứng tại kháng cự, nếu lực cầu không tiếp tục duy trì, rủi ro đảo chiều tại cản vẫn hiện hữu.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	VNM	WATCH	Current price	61.20	P/E (x)	12.5
			Watch zone	59 - 60	P/B (x)	3.9
Exchange	HOSE		Target price	65	EPS	4914.2
			Cut loss price	56.5	ROE	31.7%
Sector	Food Products				Stock Rating	A
				Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá nâng dao động trên nền giá cao hơn.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường, cùng với RSI cải thiện vận động trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - MA20 cắt lên MA50 giúp củng cố cho nhịp hồi trung hạn.
- ➔ Xu hướng đang dần thoát khỏi pha điều chỉnh và có thể tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá hạ nhiệt về khu vực 59 – 60, nếu phản ứng kiểm định tốt có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VNM	Theo dõi	31/07/2026	61.2	59 - 60	-	65	9.2%	56.5	-5.0%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MCH	Mua	30/07/2026	-	142.9	137 - 138	3.9%	152	10.5%	131	-4.7%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1884.8, tăng 33.8 điểm (+1.8%). Đà tăng tiếp tục được duy trì trong phần lớn thời gian giao dịch.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD duy trì trên đường signal và cải thiện về miền dương, ủng hộ nhịp hồi. Dù vậy, RSI lại đang tiếp cận vùng quá mua, cùng với mẫu hình nến Shooting Star cho thấy vận động khả năng cần hạ nhiệt để tái tạo thêm đà. Vị thế Long nên chờ khi giá điều chỉnh và kiểm định tốt khu vực 1875 – 1880, hoặc có thể tham gia khi giá bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 1901. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1870.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1806.4, tăng 43.8 điểm (+2.5%). Độ lệch basis 5.45 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 34 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1790 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1825 điểm.

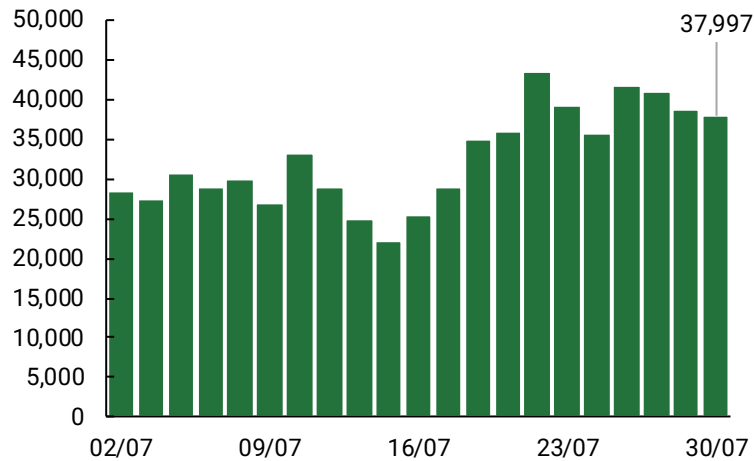
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1880	1896	1870	16 : 10
Long	> 1901	1916	1892	15 : 9
Short	< 1870	1856	1878	14 : 8

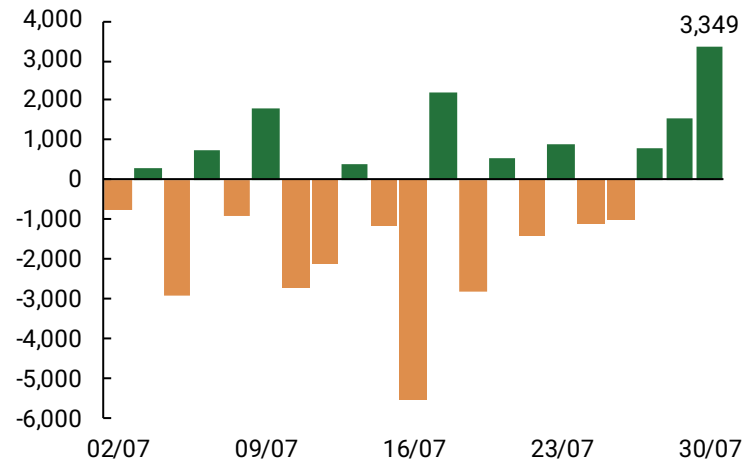
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,879.9	33.4	38	115	1,904.4	-24.5	18/03/2027	231
4111GC000	1,887.9	39.9	71	797	1,897.2	-9.3	17/12/2026	140
4111G9000	1,885.0	35.0	439	1,696	1,890.1	-5.1	17/09/2026	49
4111G8000	1,884.8	33.8	233,337	37,997	1,887.9	-3.1	20/08/2026	21
4112G8000	1,806.4	43.8	34	56	1,802.5	3.9	20/08/2026	21

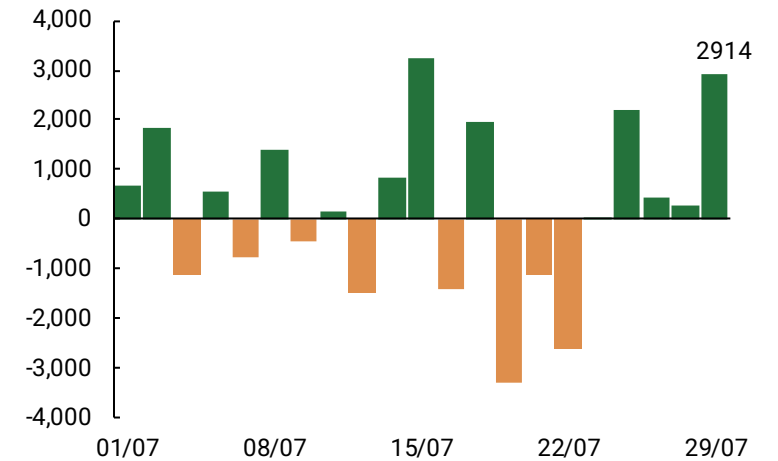
Khối lượng mở (Open interest)



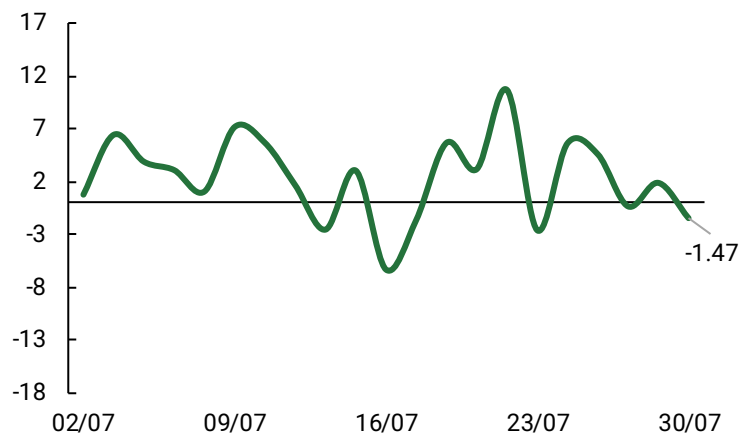
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



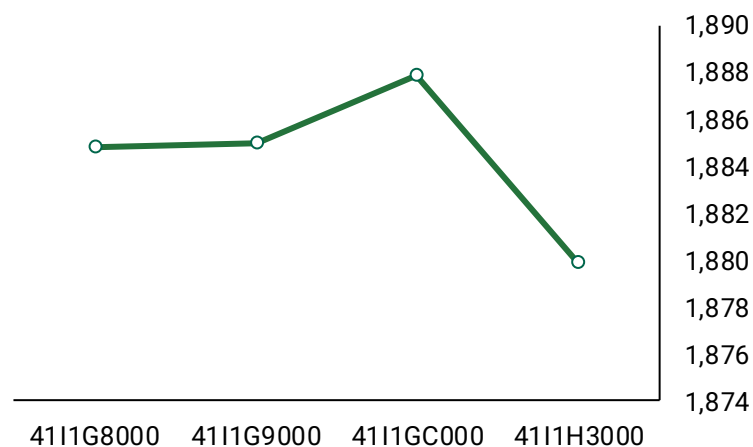
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



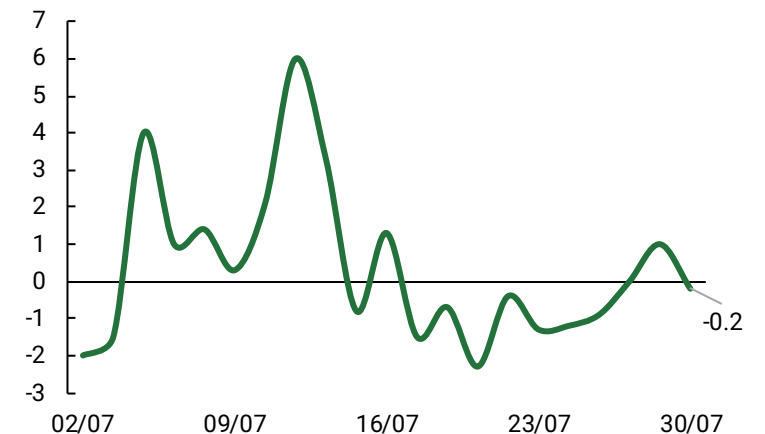
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



- 01/07 Việt Nam, Mỹ – Chỉ số PMI
- 02/07 Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 03/07 Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 2
- 09/07 Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 14/07 Mỹ – Chỉ số CPI
- 15/07 Việt Nam – Công bố danh mục VN30
Mỹ – Chỉ số PPI
Trung Quốc – GDP Q2, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
Canada – BOC họp và công bố lãi suất
- 16/07 Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng tương lai VN30, VN100
- 20/07 Trung Quốc – Lãi suất cho vay 1y, 5y
Việt Nam – Hạn BCTC quý 2/2026 đơn lẻ
- 23/07 EU – ECB công bố lãi suất
- 30/07 Mỹ – FED họp và công bố lãi suất
Việt Nam – Hạn BCTC quý 2/2026 (công ty mẹ, hợp nhất, tổng hợp)

THÔNG TIN VĨ MÔ

Fed giữ nguyên lãi suất, nhưng nội bộ chia rẽ hiếm thấy: Sau cuộc họp chính sách kéo dài 2 ngày, Fed quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức 3.5–3.75%. Quyết định được FOMC thông qua với tỷ lệ 9 phiếu thuận và 3 phiếu chống. Ba thành viên phản đối đều là chủ tịch Fed khu vực, gồm Beth Hammack, Neel Kashkari và Lorie Logan, những người muốn nâng lãi suất thêm 0.25 điểm phần trăm ngay tại cuộc họp lần này. Thông cáo sau cuộc họp không đưa ra chỉ dấu cụ thể về định hướng chính sách sắp tới, trong khi thị trường vẫn nghiêng về khả năng Fed tăng lãi suất trong cuộc họp tháng 9.

Bộ Xây dựng cập nhật tiến độ đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam: Bộ Xây dựng cho biết đang chỉ đạo Ban Quản lý dự án Thăng Long đẩy nhanh tiến độ lựa chọn tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, bảo đảm hoàn thành theo kế hoạch trong quý III/2026. Với kiến nghị điều chỉnh vị trí ga Quảng Ngãi từ Km829+700 về khoảng Km831+400, Bộ cho biết nội dung này sẽ được chủ đầu tư và tư vấn thiết kế rà soát, chuẩn xác trong bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi. Vị trí đề xuất được đánh giá phù hợp với quy hoạch chung, có quỹ đất dự phòng để triển khai mô hình TOD.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

KSV - Lãi quý II kỷ lục hơn 1,500 tỷ đồng: Vimico ghi nhận doanh thu thuần quý II/2026 đạt 4,657 tỷ đồng, tăng 19% YoY. Biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh lên 47.5%, giúp LNST đạt 1,531 tỷ đồng, tăng 223%; lãi ròng đạt 1,413 tỷ đồng, gấp 2.7 lần cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng, doanh thu thuần đạt 9,890 tỷ đồng, tăng 42%; lãi ròng đạt 2,392 tỷ đồng, tăng 182%, chủ yếu nhờ giá bán bình quân và sản lượng tiêu thụ đồng, vàng, bạc và tinh quặng manhetit tăng mạnh.

MCH - Lợi nhuận quý II tiếp tục tăng trưởng: Masan Consumer ghi nhận doanh thu quý II/2026 tăng 14.2%, chủ yếu nhờ sản lượng thực tế tăng 10%. EBITDA tăng 12.8% và LNST tăng 10% trong bối cảnh chi phí thuế, logistics và nguyên liệu đầu vào gia tăng. Các ngành hàng gia vị và đồ uống tiếp tục là động lực chính với doanh thu tăng lần lượt 17.1% và 17.8%; ngoài ra, mảng hóa mỹ phẩm tăng 32.5% nhờ nhãn hiệu Chanté.

FRT - FPT Retail lãi cao nhất lịch sử: Theo báo cáo tài chính quý II/2026, CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT ghi nhận doanh thu thuần đạt 15,626 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 451 tỷ đồng, tăng 157%. Đây cũng là những mức cao nhất mà doanh nghiệp từng ghi nhận trong một quý. Theo doanh nghiệp, kết quả tăng trưởng lợi nhuận trong kỳ đến từ sự đóng góp của cả hai chuỗi kinh doanh FPT Long Châu và FPT Shop.

SSB - Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm, triển vọng Tích cực: Moody's Ratings nâng Xếp hạng Tín dụng Cơ bản và BCA Điều chỉnh của SeABank từ B1 lên Ba3, đồng thời nâng Xếp hạng Rủi ro Đối tác dài hạn lên Ba2. Tổ chức này cũng điều chỉnh triển vọng của SeABank từ Ổn định lên Tích cực. Theo Moody's, việc nâng hạng phản ánh hồ sơ tín dụng và khả năng thanh toán của ngân hàng được củng cố nhờ chất lượng tài sản ổn định, nền tảng vốn và quản trị rủi ro cải thiện.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	36,300	73,400	102.2%	Mua
CTG	30,450	40,700	33.7%	Mua
CTD	59,100	82,900	40.3%	Mua
DBD	49,950	68,000	36.1%	Mua
DDV	18,308	35,900	96.1%	Mua
DGW	36,500	47,500	30.1%	Mua
DPG	28,100	42,300	50.5%	Mua
DPR	35,950	46,500	29.3%	Mua
DRI	12,965	17,200	32.7%	Mua
EVF	12,400	14,400	16.1%	Tăng tỷ trọng
FRT	116,300	151,000	29.8%	Mua
GMD	76,400	92,700	21.3%	Mua
HAH	45,200	58,300	29.0%	Mua
HDG	16,500	30,900	87.3%	Mua
HHV	10,050	11,700	16.4%	Tăng tỷ trọng
HPG	21,800	30,700	40.8%	Mua
IMP	36,000	54,400	51.1%	Mua
KDH	17,500	38,800	121.7%	Mua
MCH	142,900	177,200	24.0%	Mua
MWG	69,800	115,600	65.6%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	22,500	33,000	46.7%	Mua
NLG	21,550	39,400	82.8%	Mua
NT2	21,050	27,700	31.6%	Mua
PHR	57,200	72,800	27.3%	Mua
PNJ	32,500	75,500	132.3%	Mua
PVS	34,800	39,900	14.7%	Tăng tỷ trọng
PVT	18,150	18,900	4.1%	Nắm giữ
POW	13,700	15,000	9.5%	Nắm giữ
SAB	43,400	54,900	26.5%	Mua
SSI	24,000	32,100	33.8%	Mua
TLG	48,000	50,000	4.2%	Nắm giữ
TCB	29,300	41,700	42.3%	Mua
TCM	16,700	35,300	111.4%	Mua
TRC	77,200	94,800	22.8%	Mua
VCB	56,500	79,700	41.1%	Mua
VPB	25,000	36,500	46.0%	Mua
VCG	15,650	23,300	48.9%	Mua
VHC	54,100	58,000	7.2%	Nắm giữ
VNM	61,200	66,650	8.9%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801